

Thành phố Huế, ngày 28 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1977; Địa chỉ: 21/7 Xuân Diệu, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: 21/7 X, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Phan Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao hai con chung của vợ chồng là cháu Phan Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/8/2008 và Phan Nguyễn An N, sinh ngày 17/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Diễm K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Hiện nay cháu Minh N và cháu An N đang ở với chị K. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với cháu Phan Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/08/2001 là con chung của vợ chồng đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên anh T và chị K không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Phan Văn T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm K tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2013/009045 ngày 30/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diễm K 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
 - VKSND TP. Huế;
 - Chi cục THADS TP. Huế;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Hương Toàn, thành phố Huế.
- ĐKKH số 100 ngày 31/12/ 2000);
- Lưu hồ sơ;
 - Lưu án án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi